

DÒNG TIỀN SỤT GIẢM

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tiếp tục xem xét mở vị thế mua trading ngắn hạn khi VN-Index giảm về vùng hỗ trợ quanh 1.250-1.260 điểm. Tập trung ở các ngành có triển vọng lợi nhuận quý 4 tích cực.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275-1.288 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

SZC

NĂM GIỮ

↑ 5,29%

VND45.800

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (23/12), với sức mạnh của cổ phiếu công nghệ giữ vai trò trụ cột nâng đỡ các chỉ số.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường tăng điểm phiên hôm nay, tuy nhiên nhóm blue-chip chưa thật sự thể hiện được sức mạnh với biên độ hồi phục nhỏ nên nhìn chung VN-Index vẫn cần thời gian kiểm chứng động lực và do đó rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu. Dòng tiền tiếp tục tìm cơ hội ở nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ, trong khi các mã bluechip phân hóa mạnh. Thị trường cũng đang vào giai đoạn chốt NAV năm 2024 của các nhà đầu tư. Đây là giai đoạn tích lũy phù hợp, trước khi chờ các động lực tăng trưởng mới.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.906,95	0,16	13,84
S&P 500	5.974,07	0,73	25,25
Nasdaq	19.764,88	0,98	31,67
VIX	16,78	-8,61	34,78
DAX	19.848,77	-0,18	18,49
FTSE 100	8.102,72	0,22	4,78
CAC40	7.272,32	-0,03	-3,59
Hang Seng	19.910,09	0,14	16,79

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	54,37	BUY
MACD (12,26)	3,60	BUY
ADX (14)	13,52	SELL
SMA5	1.260,53	BUY
SMA20	1.258,35	BUY
SMA50	1.254,21	BUY
SMA100	1.258,79	BUY
SMA200	1.259,38	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- TTCK Mỹ tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (23/12), với sức mạnh của cổ phiếu công nghệ giữ vai trò trụ cột nâng đỡ các chỉ số. Loạt cổ phiếu công nghệ vốn hóa lớn đồng loạt chốt phiên với mức tăng tốt. Tesla và Meta Platforms tăng hơn 2% mỗi cổ phiếu, trong khi Nvidia tăng hơn 3%.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 0,31 USD/thùng, tương đương giảm 0,43%, chốt ở mức 72,63 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 0,22 USD/thùng, tương đương giảm 0,32%, chốt ở 69,24 USD/thùng.
- Tính đến ngày 15/12, tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đạt 747,13 tỷ USD (vượt kỷ lục 732 tỷ USD năm 2022), tăng 14,7% tương ứng tăng 95,98 tỷ USD về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2023. Cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 23,57 tỷ USD. Năm 2024 cũng là năm thứ 9 Việt Nam ghi nhận xuất siêu, đây là một trong những cấu phần quan trọng để quyết định tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.
- **ACV:** Tại hội nghị tổng kết diễn ra ngày 20/12/2024, ban lãnh đạo ACV ước LNTT năm 2024 đạt 11,981 tỷ đồng, tăng 35% so với 2023 và vượt 28% kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu ước đạt 21,466 tỷ đồng, tăng 8% so với năm trước và vượt 6% kế hoạch.
- **PVT:** Lãnh đạo Tổng CTCP Vận tải Dầu khí cho biết năm 2024 doanh nghiệp đã tiếp tục thiết lập các kỷ lục mới về doanh thu lợi nhuận. Tổng doanh thu hợp nhất ước đạt 12.000 tỷ đồng năm qua, vượt 136% kế hoạch năm và tăng 26% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 1.800 tỷ đồng, vượt 89% chỉ tiêu năm và tăng 16% so với cùng kỳ.
- **STB:** Sacombank cho biết, lợi nhuận trước thuế quý IV/2024 ước đạt hơn 4.600 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ và cả năm 2024 ước đạt trên 12.700 tỷ đồng, mức cao nhất từ trước đến nay và vượt chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Các chỉ tiêu sinh lời ROA ước đạt 1,46%, ROE ước đạt 20,23%, đều cao hơn cùng kỳ năm trước và tiếp tục thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.
- **GVR:** Doanh thu hợp nhất cả năm 2024 của GVR ước đạt 26.307 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch năm và tăng gần 7% so với năm 2023. Lãi sau thuế đạt 3.746 tỷ đồng, tăng hơn 11% và vượt 9% mục tiêu lợi nhuận năm. Dự kiến nộp ngân sách năm 2024 toàn Tập đoàn là 6.100 tỷ đồng, vượt kế hoạch 54%.
- **TCB:** Theo thông tin công bố trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE), ông Phùng Quang Hưng - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đăng ký bán ra 600.000 cổ phiếu theo nhu cầu tài chính cá nhân. Giao dịch dự kiến được thực hiện bằng phương thức khớp lệnh từ ngày 27/12/2024 đến ngày 21/1/2025.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.617,15	0,18	26,86
Dầu WTI	69,48	0,35	-3,03
Dầu Brent	72,89	0,36	-5,39
Than	126,75	-0,51	-13,42
Đồng	8.912,00	-0,32	4,12
Quặng sắt	106,51	3,48	-22,77
Thép	471,50	-0,95	-16,50

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,123	0,08	6,70
USD/JPY	157,18	-0,01	-10,27
USD/CNY	7,2987	-0,04	-2,72
EUR/USD	1,0401	-0,04	-5,78
GBP/USD	1,2531	-0,04	-1,57

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	375,10	149.800	0,20
HPG	346,56	27.000	1,12
SSI	204,64	25.850	-1,52
MWG	337,08	61.000	0,66
HDB	113,68	23.400	0,00

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	516.432,03	92.400	-0,11
BID	266.244,56	38.600	0,55
FPT	220.366,16	149.800	0,20
CTG	194.662,20	36.250	0,28
HPG	172.698,76	27.000	1,12

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

SZC

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

NĂM GIỮ

43.500

45.800

5,29%

42.500-43.000

<40.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu của SZC tăng 15% so cùng kỳ khi đạt 641 tỷ đồng. Đối với mảng KCN, doanh thu 9T 2024 tăng 23% khi đạt 568 tỷ đồng, trong đó tỷ trọng từ bàn giao cho SNZ và D2D lần lượt chiếm 30% và 23%.
- Biên lợi nhuận gộp tăng lên 52,1% trong 9T 2024 từ mức 46,1% trong 9T 2023, chủ yếu do giá bán trung bình tại KCN Châu Đức tăng (giá chào bán hiện tại khoảng 100 USD/m²). Lãi ròng 9T 2024 tăng 39% so cùng kỳ khi đạt 227 tỷ đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- SZC là một trong số các mã cổ phiếu giữ được xu hướng tăng ngắn hạn tích cực. Tuy nhiên, cổ phiếu đang chịu áp lực điều chỉnh khi tiến tới vùng cản quanh 44.000 đồng. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu SZC, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 41.000-42.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	859	818	165
LNTT (tỷ đ)	244	267	73
LNST (tỷ đ)	197	219	60
Nợ/VCSH (%)	172	154	79
ROE (%)	11,67	11,89	11,75
ROA (%)	3,30	3,29	3,87
EPS (VNĐ)	1.197	1.331	1604,46
P/E (lần)	15,0	27,5	26,77
P/B (lần)	1,71	3,08	2,55

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	63,03	BUY
MACD (12,26)	0,75	BUY
ADX (14)	26,94	BUY
SMA5	42.990	BUY
SMA20	42.240	BUY
SMA50	40.710	BUY
SMA100	38.690	BUY
SMA200	39.880	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			0,00%
2	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,43%
3	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			2,39%
4	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			1,89%
5	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			1,72%
6	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			-0,26%
7	SZC	Nắm giữ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			3,57%
8	SSI	Mua	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8			0,19%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
8	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
9	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
10	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
11	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
12	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
13	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
14	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
15	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	8,57%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

MH CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-(-13%-18%)
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-(-18-37%)
MH CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Điểm 59	-(-4-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-(-13%-14%)
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giờ	
MH CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4-5%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-(-13%-24%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room